

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 23 - 01 - 2018

V/v: “L hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Đăng Thanh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Chung**

Bà **Bùi Thị Truyền**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Tuyết** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

Ngày 23/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 595/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc: “*L hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông **Lê Hữu T**

Cư trú tại: TDP 01 Đông Hải, phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*- Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Trúc L**

Cư trú tại: TDP 01 Đông Hải, phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hữu T trình bày: Ông và bà L kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa. Quá trình chung sống của vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, bà L không biết làm gì gây nợ nần chồng chất, ông đã trả hết lần này đến lần khác từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Ông và bà L đã sống L thân từ tháng 08/2017 nên không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay tình cảm của ông dành cho bà L không

còn nên yêu cầu được L hôn với bà Phạm Thị Trúc L. Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thục Lan Nh, sinh ngày 09/3/2002 và Lê Thục Lan V, sinh ngày 14/9/2007. Nguyên vọng ông được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thục Lan V và giao cháu Lê Thục Lan Nh cho bà L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn bà Phạm Thị Trúc L trình bày: Bà và ông T kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa. Trong quan hệ hôn nhân bà thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn vì trong quá trình nuôi ốc hương bà có bị vỡ nợ khoảng 400.000.000 đồng nên từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông T hay đánh đập bà nên bà đã bỏ về nhà mẹ ruột ở thành phố Nha Trang sinh sống từ tháng 08/2017. Nay ông T yêu cầu L hôn thì bà không đồng ý vì bà còn thương chồng, thương con. Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thục Lan Nh, sinh ngày 09/3/2002 và Lê Thục Lan V, sinh ngày 14/9/2007. Nếu tòa án giải quyết L hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Lê Thục Lan Nh và đồng ý giao cháu Lê Thục Lan V cho ông T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Phạm Thị Trúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Ông Lê Hữu T và bà Phạm Thị Trúc L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa ông T với bà L không có hạnh phúc do bất đồng về quan điểm sống và lối sống. Bà L làm ăn gây đổ nợ nên mâu thuẫn gia đình thường xuyên xảy ra và kéo dài, mặc dù ông T đã nhiều lần trả những khoản vay của bà L nhưng tính nào tật ấy bà L vẫn không thay đổi từ đó vợ chồng thường xuyên kình cãi nên bà L đã bỏ về nhà gia đình tại Nha Trang sinh sống cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L không đồng ý L hôn vì cho rằng bà còn thương chồng, thương con và có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với ông T nhưng bà không đưa ra được phương án nhằm hàn gắn để đoàn tụ gia đình. Hơn nữa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà L đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chứng tỏ bà không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với ông T. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà L mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông T và bà L đã sống L thân từ tháng 8/2017 cho đến nay và không ai

quan tâm chăm sóc đến ai nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin L hôn của nguyên đơn là phù hợp và thỏa đáng.

Về con chung: Ông T và bà L có 02 con chung là Lê Thục Lan Nh, sinh ngày 09/3/2002 và Lê Thục Lan V, sinh ngày 14/9/2007. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu cũng như nguyện vọng của cháu Lê Thục Lan Nh muốn tiếp tục chung sống với bà Phạm Thị Trúc L và nguyện vọng của cháu Lê Thục Lan V muốn tiếp tục chung sống với ông Lê Hữu T nên Hội đồng xét xử thấy rằng tiếp tục giao cháu Nhi cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Vy cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về tài sản chung: Ông T, bà L không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí: Ông Lê Hữu T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;
- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông Lê Hữu T được L hôn với bà Phạm Thị Trúc L.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thục Lan Nh, sinh ngày 09/3/2002 cho bà Phạm Thị Trúc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Lê Thục Lan V, sinh ngày 14/9/2007 cho ông Lê Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Ông T và bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Ông T và bà L không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003288 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông T đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết;

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Hải; Quyền số:01/2001;
- Những người TGT;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**NGUYỄN HỮU ĐĂNG THANH**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Truyền – Nguyễn Chung**

**Nguyễn Hữu Đăng Thanh**